

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HS-ST

Ngày 22-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ksor Juh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Siu Blu.

Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Quỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2021/TLST-HS, ngày 22 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Rô N; sinh năm 2000, tại Gia Lai; Nơi cư trú: Buôn KT, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): Không; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ksor S; sinh năm 1962 và bà: Rô H' J; sinh năm 1966; tiền án, tiền sự: không; Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện PT từ ngày 13/8/2021 đến nay. Có mặt.

2. Rô T; sinh năm 1997, tại Gia Lai; Nơi cư trú: Buôn KT, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): Không; dân tộc: Jrai; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Ksor S; sinh năm 1962 và bà: Rô H' J; sinh năm 1966; tiền án, tiền sự: Không; Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện PT từ ngày 13/8/2021 đến nay. Có mặt.

Người bào chữa: Bà Bùi Thị P bào chữa cho bị cáo Rô N; Ông Bùi Q T bào chữa cho bị cáo Rô T. Có mặt

Bị hại: Nay C, sinh năm: 1995; Trú tại: Plei Mun Mak, xã Ia Ake, huyện PT, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

Người có quyền lợi và N vụ liên quan: Kpă Q, sinh năm: 2008; Trú tại: Plei Mun Mak, xã Ia Ake, huyện PT, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

Người đại diện theo Pháp luật của Kpă Q: Kpă H'I; Trú tại: Plei Mun Mak, xã Ia Ake, huyện PT, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

Người làm chứng: Nay P, sinh năm: 1960; Trú tại: Tổ 6, phường Sông Bờ, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Người phiên dịch: Ông Rcom P; Địa chỉ: Tổ dân phố 15, thị trấn PT, huyện PT, tỉnh Gia Lai; phiên dịch tiếng Ja Rai cho những người tham gia tố tụng là người dân tộc Ja Rai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 7/2021, Rô T và Rô N đến nhà chị gái Rô H'Chương ở Plei Mun Mak, xã Ia Ake, PT C. Đến 23 giờ ngày 20/7/2021, N rủ T đi về nhà mình tại huyện K, Gia Lai. Nhưng do không có phương tiện đi về nên N rủ T đi trộm cắp xe mô tô để làm phương tiện đi lại. Nghe vậy, T đồng ý. Sau đó, T đi tìm gặp Kpă Q rủ Q cùng tham gia trộm cắp, Q đồng ý. Q dẫn N và T đến trước cổng nhà anh Nay C. Tại đây, cả bọn phát hiện phía trước sân nhà anh C có dựng từ 02 đến 03 chiếc xe mô tô nên Q và T đứng ở ngoài cánh giới còn N đi vào sân nhà anh C lên lút dắt trộm 01 xe mô tô Sirius, hiệu Yamaha màu sơn đen xám BKS: 81D1-130.63 (trên xe vẫn còn chìa khóa) ra vị trí đường liên thôn cách nhà Nay C khoảng 50m. Sau đó, N khởi động và điều khiển xe mô tô trộm cắp được chở theo Q và T đi đường kênh mương thủy lợi Ayun Hạ để xuống địa bàn huyện K. Tuy nhiên, khi cả bọn đi đến đèo Tô Na, thuộc thị xã Ayun Pa, Gia Lai thì xe hết xăng, do không có tiền đổ xăng nên cả bọn dắt xe mô tô vào nhà ông Nay P gửi. Khi cho nhóm Rô N gửi xe, ông Nay P không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Sau khi gửi xe, cả bọn đi bộ về nhà N tại xã C, huyện K, Gia Lai. Đến ngày 30/7/2021, Q đi về nhà mình tại xã Ia Ake, huyện PT, Gia Lai và nhận thấy hành vi trộm cắp xe của mình cùng đồng bọn là sai nên Q đến gặp Nay C xin lỗi đồng thời chỉ cho Nay C biết nơi cả bọn gửi xe mô tô BKS: 81D1-130.63.

Sau khi bị mất tài sản, Nay C đã làm đơn trình báo Cơ quan CSĐT Công an huyện PT.

Ngày 13/8/2021, Rô N và Rô T đến Cơ quan CSĐT Công an huyện PT đầu thú, khai rõ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 13/KLĐG ngày 18/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện PT xác định 01 xe mô tô BKS 81D1-130.63 nhãn hiệu Yamaha Sirius RC, có số khung: 3240JY13095 và số máy: E3X9E368502 có trị giá còn lại là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Đối với Kpă Q bản thân tham gia thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với Rô T và Rô N. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội Q mới được

13 tuổi 03 tháng, chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Nên cơ quan điều tra không xử lý hình sự.

Đối với ông Nay P, bản thân không biết xe mô tô BKS: 81D1-13063 là tài sản do Rô N cùng đồng bọn trộm cắp mà có, nên việc cho Rô N gửi xe mô tô BKS: 81D1-13063 tại nhà mình không có căn cứ để xử lý hình sự.

Anh Nay C đã nhận lại tài sản bị trộm cắp là 01 xe mô tô BKS 81D1-130.63 nhãn hiệu Yamaha Sirius RC đã bị mất và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 22 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh Gia Lai truy tố các bị cáo Rô N và Rô T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 điều 51; điều 38; điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Rô N từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; điều 38; điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Rô T từ 06 tháng tù đến 08 tháng tù.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

- Lời bào chữa cho bị cáo N: Hành vi của các bị cáo phù hợp với nội dung Bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện PT truy tố. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đầu thú; bị cáo không biết chữ, trộm cắp chỉ làm phương tiện đi lại. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i,s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS. Đề nghị xử bị cáo N không quá 06 tháng tù.

- Lời bào chữa cho bị cáo T: Hành vi của các bị cáo phù hợp với nội dung Bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện huyện PT truy tố. Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đầu thú. Hành vi của bị cáo, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i,s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS.

Việc đề nghị áp dụng điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS cho bị cáo T là không phù hợp. Bởi vì, mặc dù bị cáo T có rủ Kpã Q nhưng do bản thân Q không bị khởi tố, truy tố nên áp dụng tình tiết trên là chưa phù hợp. Đề nghị xử bị cáo T không quá 06 tháng tù.

Quá trình tranh luận, đối đáp Kiểm sát viên, người bào chữa đều giữ nguyên quan điểm đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vậy đủ căn cứ khẳng định:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 20/7/2021, để có phương tiện đi về nhà ở xã C, huyện K, Gia Lai, Rô N rủ Rô T và Rô T rủ Kpă Q thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô Sirius, hiệu Yamaha BKS 81D1-130.63 của anh Nay C tại thôn Plei Mun Mak, xã Ia Ake, PT, Gia Lai. Sau đó, N điều khiển xe mô tô trộm cắp được chở Q và T đi về nhà mình tại huyện K. Tuy nhiên, khi cả bọn đi đến đèo Tô Na, thuộc thị xã Ayun Pa, Gia Lai thì xe hết xăng nên cả ba dắt xe mô tô trộm cắp được vào gửi tại nhà ông Nay P tại tổ 6, phường Sông Bờ, thị xã Ayun Pa, Gia Lai. Khi cho nhóm Rô N gửi xe, ông Nay P không biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Gửi xe xong cả nhóm đi bộ về nhà tại xã C, huyện K, Gia Lai. Xe mô tô BKS 81D1-130.63 có trị giá còn lại là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Hành vi trên của Rô T và Rô N là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, xâm phạm đến trật tự công cộng đồng thời gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và phải bị trừng trị nhưng vẫn bất chấp, coi thường kỷ cương, pháp luật. Do vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra mới đảm bảo tính trừng trị, giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Đồng thời cần thiết buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù một thời gian để cảm hóa, giáo dục thành công dân có ích cho xã hội sau này.

Đây là vụ án có sự tham gia của nhiều bị cáo, vai trò, tính chất hành vi phạm tội của từng bị cáo có khác nhau:

Đối với Rô N, bản thân là người khởi xướng rủ rê anh trai mình thực hiện hành vi trộm cắp, đồng thời là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh C một cách tích cực. Vì vậy, bị cáo phải chịu hình phạt cao hơn mức hình phạt của bị cáo T là phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với Rô T là anh trai của Rô N, đáng lẽ ra khi được N rủ rê trộm cắp tài sản bị cáo phải can ngăn, nhưng bị cáo lại rủ thêm Kpă Q cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Xét thấy việc bị cáo rủ thêm Q thực hiện hành vi phạm tội (Q mới được 13 tuổi 03 tháng) là vi phạm pháp luật nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Vậy cần xử phạt bị cáo nghiêm mới đảm bảo tính trừng trị, giáo dục bị cáo thành người tốt cho xã hội sau này.

Sau khi phạm tội các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, các bị cáo đầu thú. Vậy cần áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho hai bị cáo.

Đối với Kpă Q bản thân tham gia thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với Rô T và Rô N. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội Q mới được

13 tuổi 03 tháng, nên hành vi của Q chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Do vậy, cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với Q là có căn cứ.

Đối với ông Nay P, bản thân không biết xe mô tô BKS: 81D1-13063 là tài sản do Rô N cùng đồng bọn trộm cắp mà có, nên việc cho Rô N gửi xe mô tô BKS: 81D1-13063 tại nhà mình không có căn cứ để xử lý hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

[2] *Về vật chứng của vụ án*: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện PT đã tạm giữ: 01 (Một) xe mô tô BKS 81D1-130.63 nhãn hiệu Yamaha Sirius RC, số khung: 3240JY13095, số máy: E3X9E368502 đã qua sử dụng. Cơ quan CSĐT Công an huyện PT đã ra Quyết định xử lý vật chứng trao trả lại tài sản cho anh Nay C là chủ sở hữu hợp pháp. Xét thấy Cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định của pháp luật nên không xem xét.

[3] *Về tố tụng*: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện PT, tỉnh Gia Lai, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh Gia Lai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Các bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Rô N và Rô T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 điều 51; điều 38; điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Rô N 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2021.

Căn cứ vào khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; điều 38; điều 58 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Rô T 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2021.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc:

Buộc các bị cáo Rô N và Rô T mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án tỉnh Gia Lai xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Đối với người bị hại, người có quyền và N vụ liên quan vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện PT;
- Công an huyện PT;
- Chi cục THADS huyện PT;
- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ksor Juh